

**PHỤ LỤC 04**

**BẢNG TỔNG HỢP XỬ LÝ SỐ LIỆU NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG**

*(Kèm theo Kết luận số 36/KL-TTr ngày 23/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính)*

ĐVT: Đồng

| STT        | Nội dung                                              | Báo cáo quyết toán   | Số kiểm tra          | Chênh lệch         |
|------------|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| A          | B                                                     | 1                    | 2                    | 3=2-1              |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn CCTL năm trước chuyển sang</b>               | <b>2.972.917.456</b> | <b>2.972.917.456</b> | <b>0</b>           |
| 1          | Nguồn CCTL từ NSNN                                    | 0                    | 0                    | 0                  |
| 2          | Nguồn CCTL từ nguồn thu tại đơn vị                    | 2.972.917.456        | 2.972.917.456        | 0                  |
|            | - 35% nguồn thu từ hoạt động KCB                      | 2.972.917.456        | 2.972.917.456        | 0                  |
|            | - 40% nguồn thu khác                                  | 0                    | 0                    | 0                  |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn CCTL tăng, giảm trong năm 2023</b>           | <b>480.000.000</b>   | <b>1.269.203.658</b> | <b>789.203.658</b> |
| 1          | Nguồn CCTL từ NSNN                                    | 480.000.000          | 0                    | -480.000.000       |
| 2          | Nguồn CCTL từ nguồn thu tại đơn vị                    | 0                    | 1.269.203.658        | 1.269.203.658      |
|            | - 35% nguồn thu từ hoạt động KCB                      | 0                    | 1.267.907.658        | 1.267.907.658      |
|            | - 40% nguồn thu khác                                  | 0                    | 1.296.000            | 1.296.000          |
| <b>III</b> | <b>Nguồn CCTL được sử dụng trong năm (I+II)</b>       | <b>3.452.917.456</b> | <b>4.242.121.114</b> | <b>789.203.658</b> |
| 1          | Nguồn CCTL từ NSNN                                    | 480.000.000          | 0                    | -480.000.000       |
| 2          | Nguồn CCTL từ nguồn thu tại đơn vị                    | 2.972.917.456        | 4.242.121.114        | 1.269.203.658      |
|            | - 35% nguồn thu từ hoạt động KCB                      | 2.972.917.456        | 4.240.825.114        | 1.267.907.658      |
|            | - 40% nguồn thu khác                                  | 0                    | 1.296.000            | 1.296.000          |
| <b>III</b> | <b>Chi CCTL trong năm</b>                             | <b>1.439.941.251</b> | <b>1.439.941.251</b> | <b>0</b>           |
| 1          | Chi từ nguồn CCTL do NSNN cấp                         | 475.674.592          | 0                    | -475.674.592       |
| 2          | Chi từ nguồn CCTL từ nguồn thu được để lại tại đơn vị | 964.266.659          | 1.439.941.251        | 475.674.592        |

ĐVT: Đồng

| STT       | Nội dung                                | Báo cáo quyết toán   | Số kiểm tra          | Chênh lệch         |
|-----------|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| A         | B                                       | 1                    | 2                    | 3=2-1              |
|           | - 35% nguồn thu từ hoạt động KCB        | 964.266.659          | 1.439.941.251        | 475.674.592        |
|           | - 40% nguồn thu khác                    | 0                    | 0                    | 0                  |
| <b>IV</b> | <b>Nguồn CCTL còn dư chuyển năm sau</b> | <b>2.012.976.205</b> | <b>2.802.179.863</b> | <b>789.203.658</b> |
| 1         | Nguồn CCTL từ NSNN                      | 4.325.408            | 0                    | -4.325.408         |
| 2         | Nguồn CCTL từ nguồn thu tại đơn vị      | 2.008.650.797        | 2.802.179.863        | 793.529.066        |
|           | - 35% nguồn thu từ hoạt động KCB        | 2.008.650.797        | 2.800.883.863        | 792.233.066        |
|           | - 40% nguồn thu khác                    | 0                    | 1.296.000            | 1.296.000          |